

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3/2009

CTY CP CHỨNG KHOÁN TP.HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 3 năm 2009

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

Đơn vị tính : VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,919,220,833,747	424,512,702,959
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,125,057,004,257	134,722,054,635
1. Tiền	111	4	1,125,057,004,257	134,722,054,635
<i>Trong đó :</i>				
<i>- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>				
<i>- Tiền của người ủy thác đầu tư</i>				
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<i>Trong đó : Tiền của người ủy thác đầu tư</i>				
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	337,914,369,556	179,621,648,637
1. Đầu tư ngắn hạn	121		409,251,411,167	369,171,202,766
2. Đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư	122		-	
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(71,337,041,611)	(189,549,554,129)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		452,041,101,452	98,966,106,292
1. Phải thu của khách hàng	131	6	1,129,867,100	2,974,849,166
2. Trả trước cho người bán	132		550,400,536	41,746,440
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	449,252,805,775	107,556,307,352
5. Các khoản phải thu khác	138	6	21,988,518,764	21,047,148,057
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(20,880,490,723)	(32,653,944,723)
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,208,358,482	11,202,893,395
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,043,882,553	2,543,001,944
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3,444,081
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	7,675,279,835
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	1,164,475,929	981,167,535

Bảng cân đối kế toán**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009 (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		255,310,076,158	1,054,696,973,332
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	210		15,729,954,661	15,706,708,794
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	7,272,285,890	7,794,520,395
<i>Nguyên giá</i>	222		14,731,654,783	12,702,454,983
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7,459,368,893)	(4,907,934,588)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225		-	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	6,823,813,821	7,107,457,937
<i>Nguyên giá</i>	228		10,170,420,302	8,645,993,297
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3,346,606,481)	(1,538,535,360)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1,633,854,950	804,730,462
III. Bất động sản tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		230,486,972,604	1,029,296,669,128
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	5	230,486,972,604	1,029,296,669,128
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		230,486,972,604	1,029,296,669,128
<i>Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	255		-	
4. Đầu tư dài hạn khác	258			
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259			
IV. Tài sản dài hạn khác	260		9,093,148,893	9,693,595,410
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	5,491,638,150	7,501,290,698
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	12	2,101,110,499	1,124,409,808
4. Tài sản dài hạn khác	268	13	1,500,400,244	1,067,894,904
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,174,530,909,905	1,479,209,676,291

Bảng cân đối kế toán**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009 (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		645,846,827,477	155,761,925,505
I. Nợ ngắn hạn	310		644,693,985,727	154,427,388,005
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	190,744,300
3. Người mua trả tiền trước	313		-	889,892,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	24,689,474,676	1,555,221,261
5. Phải trả người lao động	315		11,234,384	1,710,350,258
6. Chi phí phải trả	316	15	7,796,996,929	749,578,520
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		599,770,654,657	135,195,579,351
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		3,230,059,171	1,210,851,120
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	16	9,195,565,910	12,925,171,195
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,152,841,750	1,334,537,500
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn	335		-	-
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	336		-	-
7. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	337		1,152,841,750	1,334,537,500
8. Dự phòng phải trả dài hạn	338		-	-
9. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	17	1,528,684,082,428	1,323,447,750,786
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,518,704,728,882	1,316,045,764,658
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		394,634,000,000	394,634,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		757,828,775,000	757,828,775,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1,926,000,000)	(645,000,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển	417		3,961,374,994	3,961,374,994
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		26,285,903,124	26,458,301,498
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1,470,125,526	1,538,895,415
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		336,450,550,238	132,269,417,751
II. Quỹ khen thưởng phúc lợi	430		9,979,353,546	7,401,986,128
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		2,174,530,909,905	1,479,209,676,291

Ngày 15 tháng 10 năm 2009

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Phạm Ngọc Quang

Lâm Hữu Hồ

Johan Nyvene

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 1, 2, 3 Captital Place, 6 Thái Văn Lung - Quận 1 - TP. HCM

Điện thoại: 38 233 299 Fax: 38 233 301

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5.	Ngoại tệ các loại	005		103,471,839	122,452,190
6.	Chứng khoán lưu ký	006		1,698,662,980,000	2,195,049,720,000
6.1	Chứng khoán giao dịch	007		1,458,461,240,000	2,084,337,220,000
6.1.1	Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		360,342,300,000	1,350,616,510,000
6.1.2	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		1,041,366,690,000	716,019,430,000
6.1.3	Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		56,752,250,000	17,701,280,000
6.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		214,203,740,000	-
6.2.1	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		224,800,000	-
6.2.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		212,553,900,000	-
6.2.3	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		1,425,040,000	-
6.3	Chứng khoán cầm cố	017		22,818,500,000	23,713,200,000
6.3.2	Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		22,818,500,000	23,713,200,000
6.4	Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.4.2	Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3	Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.5	Chứng khoán chờ thanh toán	027		3,179,500,000	86,999,300,000
6.5.1	Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		1,265,000,000	51,682,000,000
6.5.2	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		1,882,500,000	34,628,800,000
6.5.3	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		32,000,000	688,500,000
7	Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		3,901,950,000	-
	Trong đó:			-	-
7.1	Chứng khoán giao dịch	051		3,901,950,000	-
7.1.2	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		3,842,950,000	-
7.2.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		59,000,000	-

Ngày 15 tháng 10 năm 2009

Người Lập Biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Phạm Ngọc Quang

Lâm Hữu Hồ

Johan Nyvene

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2009

Đơn vị tính: VND

1	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3		4	5	6	7
1	Doanh thu	01		146,236,655,891	107,360,043,550	292,313,133,421	215,096,927,391
	<i>Trong đó:</i>			-			
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		38,727,426,920	11,318,196,081	68,958,266,066	22,163,109,993
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		80,812,912,553	60,366,640,007	173,198,667,491	101,663,715,920
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		150,000,000	-	150,000,000	-
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		6,600,000	542,500,000	263,814,364	542,500,000
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		626,058,182	993,876,500	1,552,020,622	3,267,875,022
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-	-	-
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-	-	1,305,373,233
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-	-	-
	Doanh thu khác	01.9	18	25,913,658,236	34,138,830,962	48,190,364,878	86,154,353,223
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		146,236,655,891	107,360,043,550	292,313,133,421	215,096,927,391
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	19	11,190,109,724	3,967,381,036	14,878,870,481	175,490,691,907
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		135,046,546,167	103,392,662,514	277,434,262,940	39,606,235,484
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	11,039,541,642	10,005,507,015	23,299,772,874	32,184,110,334
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		124,007,004,525	93,387,155,499	254,134,490,066	7,422,125,150
8	Thu nhập khác	31		137,500	123,024,700	14,434,532,500	169,593,141
9	Chi phí khác	32		-	131,125,689	-	172,978,606
10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	21	137,500	(8,100,989)	14,434,532,500	(3,385,465)
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		124,007,142,025	93,379,054,510	268,569,022,566	7,418,739,685
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		29,225,630,330	-	50,015,337,822	-
13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN (70=60-61-62)	60		94,781,511,695	93,379,054,510	218,553,684,744	7,418,739,685
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Ngày 15 tháng 10 năm 2009

Người lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Phạm Ngọc Quang

Lâm Hữu Hồ

Johan Nyvene

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 1, 2, 3 Capital Place, 6 Thái Văn Lung - Quận 1 - TP. HCM

Điện thoại: 38 233 299 Fax: 38 233 301

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		268,569,022,566	7,418,739,685
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			(190,901,340,566)	237,596,783,585
-	Khấu hao tài sản cố định	02		4,359,505,426	1,650,674,344
-	Các khoản (hoàn nhập)/lập dự phòng	03		(129,985,966,518)	123,471,872,435
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05		(65,274,879,474)	112,474,236,806
-	Chi phí lãi vay	06		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		77,667,682,000	245,015,523,270
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(335,215,331,668)	(178,576,647,896)
-	Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10		-	-
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		468,692,526,427	(397,512,766,733)
-	Tăng giảm chi phí trả trước	12		1,508,771,939	(1,694,695,554)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(19,802,631,429)	(14,935,361,705)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(935,133,694)	(1,175,474,239)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		191,915,883,575	(348,879,422,857)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4,382,751,293)	(7,535,179,943)
2.	Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,015,379,507,141)	(998,451,649,919)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	26		1,789,355,763,260	505,168,525,066
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	29		50,028,111,478	34,643,205,089
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		819,621,616,304	(466,175,099,707)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009 (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	-
1.	Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	697,095,490,000
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(427,000,000)	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	-	-
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20,775,550,257)	(19,559,572,800)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21,202,550,257)	677,535,917,200
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	990,334,949,622	(137,518,605,364)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	134,722,054,635	581,787,772,199
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1,125,057,004,257	444,269,166,835

Ngày 15 tháng 10 năm 2009

Người Lập Biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Phạm Ngọc Quang

Lâm Hữu Hồ

Johan Nyvene

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 23 tháng 4 năm 2003, và Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 4 năm 2003.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1, 2 và 3 số 6 Thái Văn Lung, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại Hà Nội, phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2009 là: 171 người (31 tháng 12 năm 2008: 169 người).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Kết quả quý III/2009 của Công ty khả quan hơn nhiều lần so với kết quả cùng kỳ năm trước là do các nguyên nhân chính yếu như sau:

- Giao dịch chứng khoán sôi động trên thị trường, giá trị giao dịch chứng khoán tăng dẫn đến doanh thu môi giới chứng khoán trong quý III/2009 tăng cao làm doanh thu chung của Công ty tăng so với cùng kỳ năm 2008;
- Việc tiếp tục hiện thực hóa danh mục chứng khoán tự doanh với giá cao hơn mức trích lập dự phòng giảm giá vào cuối năm 2008 làm cho số hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán trong quý III/2009 xuất hiện góp phần tích cực cho kết quả kinh doanh của 9 tháng đầu năm 2009.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty thực hiện áp dụng Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 4 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng
- ▶ Chi phí thuê văn phòng
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

3.8 Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Chứng khoán thương mại

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Bất kỳ một khoản tăng hoặc giảm giá của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Công ty nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường. Chứng khoán sẵn sàng để bán luôn được hạch toán theo giá mua. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian nắm giữ ước tính còn lại của chứng khoán.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán bị giảm giá trị khi có sự suy giảm “trọng yếu” hoặc “kéo dài” của giá trị hợp lý của tài sản thấp hơn so với nguyên giá hoặc khi có bằng chứng khách quan khác cho thấy khả năng giảm giá trị của tài sản. Việc xác định tính “trọng yếu” và “kéo dài” đòi hỏi đánh giá chủ quan và ước tính. Công ty thường đánh giá sự suy giảm là trọng yếu khi mức độ suy giảm giá trị lớn hơn 20% và sự suy giảm được cho là “kéo dài” khi thời gian này lớn hơn 6 tháng. Ngoài ra, Công ty cũng tính đến các nhân tố khác như sự biến động của giá cổ phiếu.

Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục Chi phí hoạt động kinh doanh.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn 6 tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty sẽ chuyển sang trích đóng bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ, công cụ vốn chủ sở hữu được công ty mua lại, trình bày trên phần nguồn vốn như một khoản giảm vốn chủ sở hữu, bằng với chi phí mua lại. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.15 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu dài hạn bán ra.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Tiền mặt	398.727.216	406.867.526
Tiền gửi ngân hàng	1.124.658.277.041	134.315.187.109
TỔNG CỘNG	1.125.057.004.257	134.722.054.635

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

<i>VNĐ</i>					
		<i>Giá trị theo số kế toán</i>	<i>So với giá thị trường</i>		<i>Tổng giá trị theo giá thị trường</i>
	<i>Số lượng</i>		<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	
I. Chứng khoán thương mại	10.316.958	409.251.411.167	17.939.880.304	(71.337.041.611)	355.854.249.860
- Cổ phiếu niêm yết	4.826.230	223.028.955.424	13.159.416.901	(7.158.240.082)	229.030.132.243
- Cổ phiếu chưa niêm yết	5.490.728	186.222.455.743	4.780.463.403	(64.178.801.529)	126.824.117.617
II. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	1.820.800	230.486.972.604	24.466.177.397	-	254.953.150.001
- Trái phiếu	1.820.800	230.486.972.604	24.466.177.397	-	254.953.150.001

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.1 Chứng khoán thương mại

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	409.251.411.167	369.171.202.766
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	<u>(71.337.041.611)</u>	<u>(189.549.554.129)</u>
Giá trị thuần đầu tư tài chính ngắn hạn	<u>337.914.369.556</u>	<u>179.621.648.637</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Dự phòng giảm giá đầu kỳ	189.549.554.129	32.082.058.539
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	6.405.576.973	184.995.623.155
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(124.618.089.491)</u>	<u>(27.528.127.565)</u>
Dự phòng giảm giá cuối kỳ	<u>71.337.041.611</u>	<u>189.549.554.129</u>

5.2 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Trái phiếu Chính phủ	170.401.500.001	931.435.755.000
Trái phiếu địa phương	32.074.500.000	32.074.500.000
Trái phiếu công ty	28.000.972.603	65.776.414.128
Trái phiếu ngân hàng	<u>10.000.000</u>	<u>10.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>230.486.972.604</u>	<u>1.029.296.669.128</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
1. Phải thu của khách hàng	1.129.867.100	2.974.849.166
- Phải thu dịch vụ tư vấn	-	944.982.066
- Phải thu hoạt động tự doanh	1.129.867.100	2.029.867.100
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	449.252.805.775	107.556.307.352
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán	47.654.614.524	8.142.931.000
- Phải thu dịch vụ kinh doanh	-	1.745.500.000
- Phải thu nhà đầu tư	367.057.313.325	37.428.720.378
- Phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán	34.540.898.092	60.239.155.974
3. Phải thu khác	21.988.518.764	21.047.148.057
- Ký quỹ đầu giá	-	2.259.671.282
- Đặt cọc mua tài sản (*)	-	5.610.000.000
- Phải thu lãi trái phiếu	19.585.963.024	6.338.771.770
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	2.173.888.889	6.580.000.000
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	228.666.851	258.705.005
TỔNG CỘNG	<u>472.371.191.639</u>	<u>131.578.304.575</u>

(*) Phải thu đầu tư góp vốn dự án xây dựng nhà ở cho Công ty TNHH TM Him Lam.

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Tạm ứng	502.855.268	372.961.874
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	661.620.661	608.205.661
TỔNG CỘNG	<u>1.164.475.929</u>	<u>981.167.535</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>VND</i>		
	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	3.219.787.884	9.482.667.099	12.702.454.983
- Mua trong giai đoạn	-	1.119.609.065	1.119.609.065
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	909.590.735	909.590.735
Ngày 30 tháng 09 năm 2009	<u>3.219.787.884</u>	<u>11.511.866.899</u>	<u>14.731.654.783</u>
Giá trị hao mòn:			
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	881.648.738	4.026.285.850	4.907.934.588
Khấu hao trong giai đoạn	<u>342.858.675</u>	<u>2.208.575.630</u>	<u>2.551.434.305</u>
Ngày 30 tháng 09 năm 2009	<u>1.224.507.413</u>	<u>6.234.861.480</u>	<u>7.459.368.893</u>
Giá trị còn lại:			
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	<u>2.338.139.146</u>	<u>5.456.381.249</u>	<u>7.794.520.395</u>
Ngày 30 tháng 09 năm 2009	<u>1.995.280.471</u>	<u>5.277.005.419</u>	<u>7.272.285.890</u>

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>VND</i>
	<i>Phần mềm tin học</i>
Nguyên giá:	
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	8.645.993.297
- Mua trong giai đoạn	86.672.046
- Chuyển từ chi phí XDCB	<u>1.437.754.959</u>
Ngày 30 tháng 09 năm 2009	<u>10.170.420.302</u>
Giá trị hao mòn:	
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	1.538.535.360
- Tăng trong giai đoạn	<u>1.808.071.121</u>
Ngày 30 tháng 09 năm 2009	<u>3.346.606.481</u>
Giá trị còn lại:	
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	<u>7.107.457.937</u>
Ngày 30 tháng 09 năm 2009	<u>6.823.813.821</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm chi phí mua và lắp đặt hệ thống công nghệ thông tin.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Chi phí cải tạo văn phòng	3.219.284.817	4.645.047.714
Chi phí thuê văn phòng	2.272.353.333	1.310.423.274
Chi phí trả trước vật dụng văn phòng	-	1.545.819.710
TỔNG CỘNG	<u>5.491.638.150</u>	<u>7.501.290.698</u>

12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các trung tâm giao dịch chứng khoán.

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004, Quyết định 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định 17/2005/QĐ-TTLK ngày 2 tháng 4 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi trung tâm giao dịch chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% (năm 2008: 0,008%) tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.955.623.423	978.922.732
Tiền lãi nhận được của năm 2006, 2007	25.487.076	25.487.076
TỔNG CỘNG	<u>2.101.110.499</u>	<u>1.124.409.808</u>

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2009</i>	<i>năm 2008</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.537.426.558	-
Thuế giá trị gia tăng	66.136.954	231.025.959
Các loại thuế khác	2.085.911.164	1.324.195.302
TỔNG CỘNG	<u>24.689.474.676</u>	<u>1.555.221.261</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2009</i>	<i>năm 2008</i>
Phí môi giới phải trả cho SGDCK	3.175.996.929	653.578.520
Chi phí hoa hồng môi giới	-	80.000.000
Chi phí phải trả khác	4.621.000.000	16.000.000
TỔNG CỘNG	<u>7.796.996.929</u>	<u>749.578.520</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2009</i>	<i>năm 2008</i>
Cổ tức HCM phải trả cho cổ đông	3.030.569.159	11.987.751.419
Kinh phí công đoàn	566.561.982	512.795.771
Bảo hiểm xã hội	137.422.475	174.878.436
Bảo hiểm y tế	110.203.819	112.065.900
Bảo hiểm thất nghiệp	126.780.500	-
Người mua trả trước	4.818.000.000	-
Các khoản phải trả khác	406.027.975	137.679.669
TỔNG CỘNG	<u>9.195.565.910</u>	<u>12.925.171.195</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

17. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<i>VND</i>								
	<i>Vốn góp</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009									
Số dư đầu kỳ	394.634.000.000	757.828.775.000	(645.000.000)	3.961.374.994	26.458.301.498	1.538.895.415	132.269.417.751	7.401.986.128	1.323.447.750.786
- Lợi nhuận trong giai đoạn	-	-	-	-	-	-	218.553.684.744	-	218.553.684.744
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.281.000.000)	-	-	-	-	854.000.000	(427.000.000)
- Trích lập quỹ	-	-	-	-	(172.398.374)	235.430.111	(2.417.332.849)	2.354.301.112	-
- Nộp bổ sung thuế GTGT+TNCN	-	-	-	-	-	-	(128.811.411)	-	(128.811.411)
- Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(304.200.000)	-	(630.933.694)	(935.133.694)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(11.826.407.997)	-	(11.826.407.997)
Số dư cuối kỳ	394.634.000.000	757.828.775.000	(1.926.000.000)	3.961.374.994	26.285.903.124	1.470.125.526	336.450.550.238	9.979.353.546	1.528.684.082.428

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

17. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Chi tiết vốn góp

	Ngày 30 tháng 9 năm 2009		Ngày 31 tháng 12 năm 2008	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp	394.634.000.000	394.634.000.000	394.634.000.000	394.634.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	757.828.775.000	757.828.775.000	757.828.775.000	757.828.775.000
Cổ phiếu quỹ	(1.926.000.000)	(1.926.000.000)	(645.000.000)	(645.000.000)
TỔNG CỘNG	<u>1.150.536.775.000</u>	<u>1.150.536.775.000</u>	<u>1.151.817.775.000</u>	<u>1.151.817.775.000</u>

17.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2009		Ngày 31 tháng 12 năm 2008	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	39.463.400	39.463.400	39.463.400	39.463.400
Số lượng cổ phiếu đã phát hành				
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	39.463.400	39.463.400	39.463.400	39.463.400
Số lượng cổ phiếu quỹ				
<i>Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	64.200	21.500	21.500	21.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	39.399.200	39.441.900	39.441.900	39.441.900

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu.

17.4 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Quyết định 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

18. DOANH THU KHÁC

VNĐ

	<i>Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009</i>	<i>Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008</i>
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	32.427.176.316	55.420.273.829
Doanh thu từ các cam kết mua và bán lại chứng khoán	4.711.407.681	22.268.462.461
Doanh thu hoạt động ứng trước	3.493.473.878	2.382.441.680
Doanh thu khác	7.558.307.003	6.083.175.253
TỔNG CỘNG	<u>48.190.364.878</u>	<u>86.154.353.223</u>

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VNĐ

	<i>Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009</i>	<i>Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008</i>
Chi phí nhân viên	11.483.057.237	8.531.083.807
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	97.205.315.867	32.284.900.449
Chi phí môi giới chứng khoán	16.978.799.981	7.071.736.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.641.909.571	1.953.656.067
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.454.935.605	1.036.027.774
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	477.567.709	151.743.980
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	12.000.000	61.612.016
Chi phí khác	837.797.029	928.059.000
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	6.405.576.973	151.000.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(124.618.089.491)	(27.528.127.565)
TỔNG CỘNG	<u>14.878.870.481</u>	<u>175.490.691.907</u>

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VNĐ

	<i>Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009</i>	<i>Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008</i>
Chi phí nhân viên quản lý	15.241.370.222	11.120.586.996
Chi phí thuê văn phòng	6.951.852.797	6,330,487,738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.487.889.408	8,514,618,952
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	2.795.817.623	1,452,934,560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.906.193.042	1,609,118,301
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	951.712.647	981,236,684
Thuê, phí và lệ phí	397.955.455	214,970,829
Chi phí vật liệu quản lý	291.692.502	362,039,085
Chi phí khác	1.048.743.178	1,598,117,189
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(11.773.454.000)	-
TỔNG CỘNG	<u>23.299.772.874</u>	<u>32.184.110.334</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009

21. LỢI NHUẬN KHÁC

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009</i>	<i>Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008</i>
Thu nhập khác		
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền góp vốn (*)	14.424.300.000	-
Thu nhập khác	10.232.500	169.593.141
	14.434.532.500	169.593.141
Chi phí khác	-	(172.978.606)
LỢI NHUẬN KHÁC	14.434.532.500	(3.385.465)

(*) Đây là khoản thu nhập từ chuyển nhượng quyền đầu tư góp vốn dự án xây dựng nhà ở Công ty TNHH TM Him Lam.

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính quý III/2009 được trình bày theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ -BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, do đó một số số liệu của năm 2008 đã được trình bày lại cho phù hợp với hình thức trình bày báo cáo tài chính của kỳ này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Phạm Ngọc Quang

Lâm Hữu Hồ

Johan Nyvene